

Số: 19/2023/QĐST-DS

Đ, ngày 12 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào B bản hoà giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong B bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập B bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Hồng Th, sinh năm: 1942.

Địa chỉ: Tổ 1, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Ma Đình B, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Xóm BQ, xã DDM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ gốc, lãi và trách nhiệm trả nợ:

- Về số tiền nợ gốc: Ông Đặng Hồng Th và ông Ma Đình B xác định ông Ma Đình B còn nợ ông Đặng Hồng Th số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền đề ngày 13/6/2019.

- Về tiền lãi: Ông Ma Đình B tự nguyện trả ông Đặng Hồng Th số tiền lãi trên số tiền vay nợ là 37.800.000 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

- Về trách nhiệm trả nợ: Ông Ma Đình B có trách nhiệm trả nợ ông Đặng Hồng Th tổng số tiền vay nợ là 177.800.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ma Đình B phải chịu 4.445.000 đồng (bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên (PKTNV);
- VKSND huyện Định Hóa (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hồng Khánh